

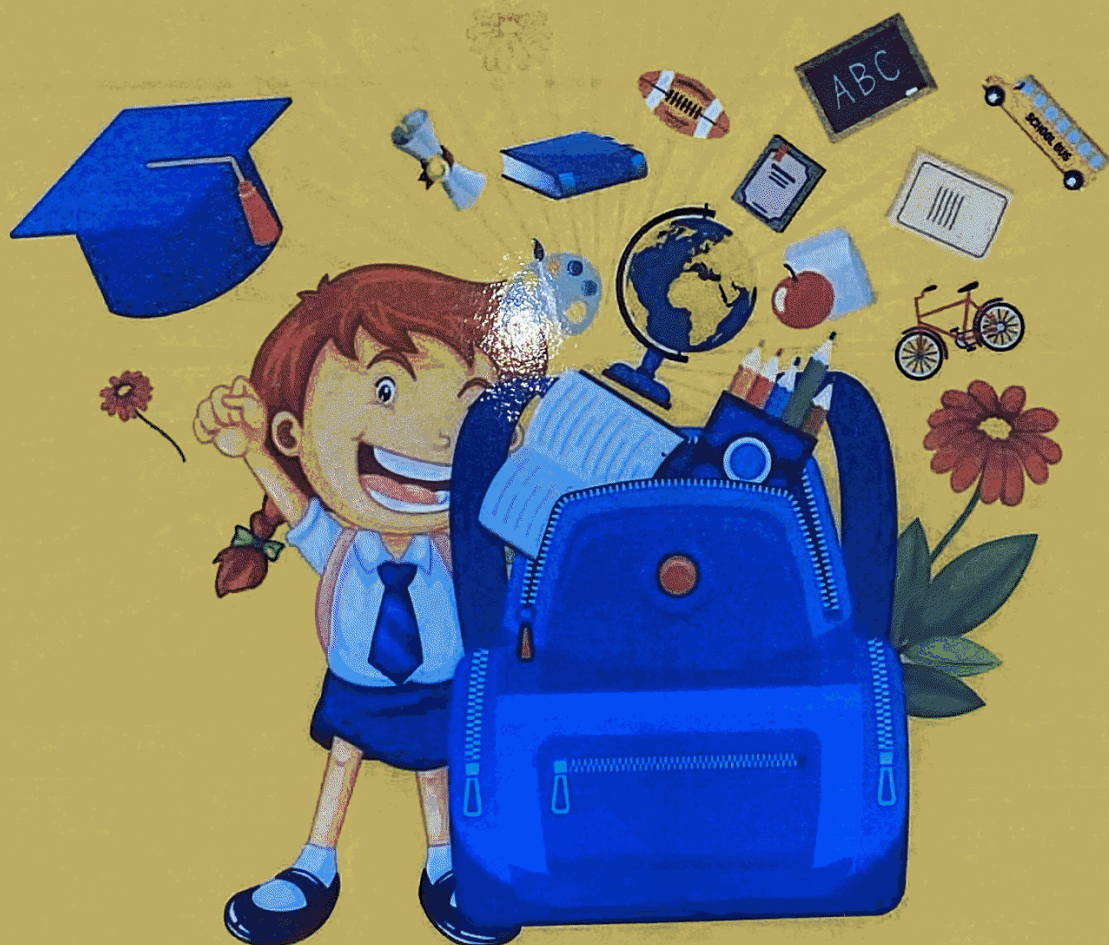


TIẾNG VIỆT

LỚP

2

Quyển 1



LƯU HÀNH NỘI BỘ - 2020

TUẦN 1: EM LÀ HỌC SINH

TẬP ĐỌC

“Có công mài sắt, có ngày nên kim” (truyện ngụ ngôn)

“Tự thuật”

KỂ CHUYỆN

“Có công mài sắt, có ngày nên kim”

CHÍNH TẢ

Tập chép, Nghe – viết

Phân biệt c/k, l/n, an/ang. Bảng chữ cái

I. Kiến thức

1. Quy tắc viết c/k

– Âm **k** đứng trước ba âm **i, e, ê**.

Ví dụ: “chữ kí”, “dòng kẻ”, “kể chuyện”,...

– Âm **c** đứng trước các âm còn lại như **o, a, u**,...

Ví dụ: “con tôm”, “cần cù”, “can đảm”,...

2. Phân biệt l/n

Ví dụ: “lo lắng”, “no nê”, “lắng nghe”, “nắng mưa”,...

3. Phân biệt an/ang

Ví dụ: “san sát”, “sang trọng”, “âm vang”,...

II. Bài tập

Bài 1. Điền vào chỗ trống c hay k?

– ____ày sâu ____uốc bẫm.

– ____ốc mò ____ò xơi.

– ____én cá chọn ____anh.

– ____ề vai sát ____ánh.

Bài 2. Điền vào chỗ trống l hay n?

– Mặt trời ____ên cao.

– Ánh sáng ____ung ____inh.

– Có chí thì ____ên.

– ____á ____ành đùm ____á rách.

– Mặt trời ____ặn.

– ____ói thì hay, bắt tay thì dở.

Bài 3. Điền vào chỗ trống **l** hay **n**?

"Tối đây tre _____ ứa _____ à nhà
Giỏ phong _____ an _____ ở nhánh hoa nhụy vàng
Trưa _____ ằm đưa vống, thoảng sang
Một _____ àn hương mỏng, mênh mang nghĩa tình."

(Theo Tố Hữu)

Bài 4. Điền vào chỗ trống **an** hay **ang** (thêm dấu thanh nếu cần):

- Trời vừa s _____, Linh đã m _____ đ _____ đến nhà Hà để học chơi đ _____.
- Mấy đứa nhỏ đi l _____ th _____ trong sân trường để tìm quả b _____ rơi.
- Mấy chú n _____ con đã d _____ hàng ng _____ đi kiếm mồi.

Bài 5. Hà xếp tên các bạn trong bàn theo thứ tự bảng chữ cái như sau: Hà, Chi, Mai, An.
Em giúp bạn xếp lại cho đúng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Từ, câu

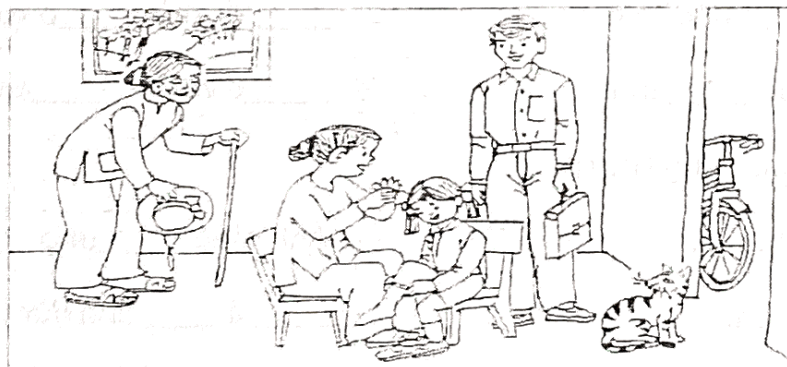
I. Kiến thức

- Các từ: "bàn", "ghế", "trường lớp", "học tập", "cô giáo", "học sinh",...
- Dùng từ đặt thành câu để trình bày một sự việc.

Ví dụ: "Ngôi trường của em rất khang trang và sạch đẹp."

II. Bài tập

Bài 1. Quan sát bức tranh dưới đây và tìm từ ngữ gọi tên các sự vật:



a. Từ chỉ người:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Từ chỉ con vật:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Từ chỉ đồ vật:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Gạch dưới các từ ngữ không thuộc nhóm trong mỗi dòng sau:

a. Nhóm chỉ đồ dùng học tập:

bút chì, bút mực, thước kẻ, cái quạt, sách vở, cặp sách

b. Nhóm chỉ hoạt động của học sinh:

đọc, viết, vẽ, hát, xây nhà, nghe giảng

c. Nhóm chỉ tính nết tốt đẹp của học sinh:

chăm chỉ, lười biếng, siêng năng, ngoan ngoãn, đoàn kết

Bài 3. Xếp các từ sau vào nhóm thích hợp:

học sinh, hát, múa, bạn bè, ngoan ngoãn, cần cù, đọc, viết, cô giáo, chăm chỉ

a. Từ chỉ người:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Từ chỉ hoạt động của học sinh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Từ chỉ tính nết, tính cách của học sinh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Tìm những từ ngữ chỉ đồ vật theo mô tả sau:

a. Dài và thẳng, dùng để đo chiều dài.

b. Tập giấy được đóng lại để viết, thường có bìa bọc ngoài.

c. Thường có hình chữ nhật, có nhiều ngăn, dùng để đựng đồ dùng học tập.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Cho 3 từ: "bé", "bà", "yêu". Sắp xếp các từ trên thành hai câu khác nhau và ghi lại (viết hoa đầu câu).

Bài 6. Viết câu:

a. Nói về hoạt động vui chơi của học sinh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

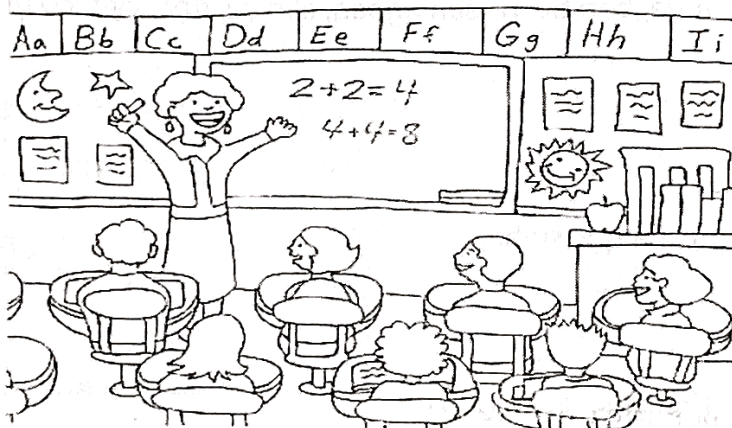
b. Nói về hoạt động vẽ tranh:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Nói về hoạt động chơi thể thao:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 7. Viết 3 câu để mô tả hành động của các nhân vật trong bức tranh dưới đây:



TẬP LÀM VĂN Tự giới thiệu
Câu và bài

I. Kiến thức

- Giới thiệu bản thân: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, quê quán, nơi ở hiện nay, lớp học và trường học.
- Ngoài ra, có thể giới thiệu thêm về sở thích, sở trường, môn học yêu thích, món ăn ưa thích...
- Chú ý sắp xếp các câu theo trình tự hợp lí.

II. Bài tập

Bài 1. Viết tiếp vào chỗ trống để hoàn chỉnh lời giới thiệu bản thân:

"Xin chào các bạn! Mình tên là _____, sinh ngày _____ tháng _____ năm _____. Mình là học sinh lớp _____, trường _____.

Sở thích của mình là _____.

Môn học yêu thích là _____.

Mình rất mong được kết bạn, học tập và chia sẻ cùng các bạn."

Bài 2. Viết 3 đến 5 câu giới thiệu về một người bạn của em.

[illegible]

PHIẾU CUỐI TUẦN 01

I. Đọc – hiểu

Đọc bài thơ sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Ngày hôm qua đâu rồi?

Em cầm tờ lịch cũ:

- Ngày hôm qua đâu rồi?

Ra ngoài sân hỏi bố

Xoa đầu em, bố cười.

Ngày hôm qua ở lại

Trong hạt lúa mẹ trồng

Cánh đồng chờ gặt hái

Chín vàng màu ước mong.

- Ngày hôm qua ở lại

Trên cành hoa trong vườn

Nụ hồng lớn lên mãi

Đợi đến ngày tỏa hương.

- Ngày hôm qua ở lại

Trong vở hồng của con

Con học hành chăm chỉ

Là ngày qua vẫn còn.

(Bế Kiến Quốc)

1. Bạn nhỏ hỏi bố điều gì?

a. Tờ lịch ngày hôm qua đâu rồi?

b. Điểm 10 trong vở của con đâu rồi?

c. Bạn nhỏ hỏi bố ngày hôm qua đâu rồi.

2. Ngày hôm qua ở lại trong những sự vật nào?

a. cành hoa, hạt lúa, vở hồng

b. cành hoa, nụ hồng, tỏa hương

c. hạt lúa, cánh đồng

3. Viết tiếp ý của mỗi khổ thơ cho thành câu:

a. Khổ thơ 2: Ngày hôm qua ở lại _____

b. Khổ thơ 3: Ngày hôm qua ở lại _____

c. Khổ thơ 4: Ngày hôm qua ở lại _____

4. Em cần làm gì để không lãng phí thời gian?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

II. Bài tập

Bài 1. Điền vào chỗ trống **c** hoặc **k, l** hoặc **n** cho thích hợp:

- a. Trên cành cây, những giọt sương _____ong _____anh.
- b. Mẹ vừa mua cho Lan một chiếc _____ính _____ận mới.
- c. Dưới _____ầng hè, cây phượng rực _____ửa với những chùm hoa tươi rói.

Bài 2. Tìm ít nhất 5 từ (theo mẫu):

a. Chỉ các loài hoa: "hồng", "sen"

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Chỉ các loại quả: "dưa", "nhãn"

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Chỉ các bộ phận của cây: "rễ", "gốc"

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Chỉ các loài cây: "cam", "ổi"

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Sắp xếp các từ sau thành câu rồi viết lại (viết hoa đầu câu):

a. bố mẹ / một / chiếc cặp sách / tặng / em / mới / . /

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. năm nay / lớp / em / học / hai / . /

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Đặt câu với mỗi từ sau: "chăm ngoan", "cẩn thận", "lắng nghe".

TUẦN 2: EM LÀ HỌC SINH

TẬP ĐỌC

"Phần thưởng" (Theo Blai-tơn)

"Làm việc thật là vui" (Theo Tô Hoài)

KỂ CHUYỆN

"Phần thưởng"

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt s/x, g/gh, ăn/ăng. Bảng chữ cái

I. Kiến thức

1. Phân biệt s/x

Ví dụ: "dòng sông", "xa xôi", "sinh sôi", "xuất sắc", ...

2. Quy tắc viết g/gh

– Âm **gh** đứng trước ba âm **i, e, ê**.

Ví dụ: "ghi nhớ", "ghen tị", "ghế đá", ...

– Âm **g** đứng trước các âm còn lại như **a, ă, â, o, ô, ơ, ...**

Ví dụ: "nhà ga", "gấp gáp", "gỗ xoan", ...

3. Phân biệt ăn/ăng

Ví dụ: "lăn tăn", "trăng sao", "hăng say", "sẵn sàng", ...

II. Bài tập

Bài 1. Điền vào chỗ trống **s/x** cho thích hợp:

a. "Dế Mèn đứng trên bực, cúi đầu, ____õa tóc rồi bất thần ngẩng phắt lên. Lá vàng phủ kín hai bên bờ, tiếng gió ____ào ____ạc nói với lá. Giai điệu trữ tình trong ____uốt của anh vang ____a."

b. "Tự ____a ____ưa thuở nào

Trong rừng ____anh ____âu thăm

Đôi bạn ____ống bên nhau

Bê Vàng và Dê Trắng..."

("Gọi bạn" – Định Hải)

Bài 2. Tìm 2 từ có tiếng "học" và 2 từ có tiếng "tập". Đặt câu với mỗi từ tìm được.

Bài 3. Kể tên các môn học mà em được học ở lớp Hai.

Bài 4. Đánh dấu ✓ vào các hoạt động em thường làm khi học môn Tiếng Việt:

- | | | |
|--|--------------------------------------|-----------------------------------|
| <input type="checkbox"/> viết chính tả | <input type="checkbox"/> tính toán | <input type="checkbox"/> tô màu |
| <input type="checkbox"/> tập đọc | <input type="checkbox"/> vẽ bản đồ | <input type="checkbox"/> đánh vần |
| <input type="checkbox"/> đếm số | <input type="checkbox"/> tập làm văn | <input type="checkbox"/> tập viết |

Bài 5. Thay đổi thứ tự các từ để tạo thành một câu mới (viết hoa chữ đầu câu):

a. Anh Nam rất yêu quý em.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Mai học cùng lớp 2A4 với Đào.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Vân đi tập thể dục cùng mẹ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Các bạn lớp 2A1 đang đá bóng với các bạn lớp 2A8.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 6. Khoanh vào chữ cái trước các câu sử dụng đúng dấu câu:

- a. Em học lớp mấy?
- b. Trường học của em ở đâu.
- c. Mẹ em tên là Ngọc.
- d. Em đã làm xong bài tập về nhà chưa?
- e. Cô giáo dạy lớp một của em tên là gì.

Bài 7. Điền dấu chấm hoặc dấu chấm hỏi thích hợp vào ô trống:

- a. Các bạn của em học có giỏi không ☐
- b. Quyển sách này giá bao nhiêu ạ ☐
- c. Khi nào chúng mình được nghỉ hè nhỉ ☐
- d. Tổ ước trở thành cô tiên trong truyện cổ tích ☐
- e. Em rất yêu ngôi trường của mình ☐
- f. Có phải mùa xuân là mùa đẹp nhất không ☐

Bài 8. Đặt câu cho các trường hợp sau:

- a. Em hỏi cô về cách giải bài toán khó.

- b. Em kể về ông của mình.

- c. Em hỏi mẹ đường đến Hồ Gươm.

- d. Em kể về anh (chị) hoặc em của mình.

Bài 1. Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: “ngôi trường”, “phim hoạt hình”, “truyện cổ tích”, “bóng đá”.

"Mình là Nguyễn Quang Anh, học sinh lớp 2A1, trường Tiểu học Archimedes Academy. Mình rất yêu _____ của mình. Mình thích đọc _____, thích chơi _____ và xem _____. Mình rất thích nuôi động vật; thích học các môn Mỹ thuật, Toán và Tiếng Việt. Lớn lên, mình muốn làm kiến trúc sư để xây nhà đẹp cho mọi người."

Bài 2. Viết lời giới thiệu bản thân khi em vào học lớp mới.

PHIẾU CUỐI TUẦN 02

I. Đọc – hiểu

Đọc văn bản sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Ước mơ

Giờ Tập làm văn miệng, cô giáo ra đề: “Kể về ước mơ của em”.

Long giơ tay xin nói đầu tiên:

– Em muốn trở thành nhà du hành vũ trụ.

Cả lớp vỗ tay khen ước mơ của Long rất lớn lao.

Tiến mơ ước trở thành phi công. Dũng mơ trở thành lính thủy. Trang muốn thành cô giáo, Trà Mi muốn trở thành diễn viên múa,... Cả lớp hào hứng, ai cũng mơ ước lớn lên làm một nghề thật oách.

Riêng Vân ỉu xiu, chẳng nói gì. Cô giáo ngạc nhiên:

– Sao em không nói ước mơ của mình?

– Thưa cô, em chỉ ước mẹ em chóng khỏi bệnh. – Vân nói khẽ.

Cả lớp im lặng. Cô giáo dịu dàng nói:

– Ước mơ của Vân cho thấy em rất hiếu thảo. Mẹ Vân bị bệnh. Vân phải giúp ba chăm sóc mẹ, trông em mà vẫn học giỏi. Cô mong mẹ Vân sớm khỏi, ước mơ của Vân sẽ thành hiện thực.

(Theo Thu Hằng)

1. Đề văn yêu cầu học sinh làm gì?

- a. kể về gia đình Vân b. kể về ước mơ của mình c. kể về người con hiếu thảo

2. Trước đề văn cô giáo đưa ra, thái độ của các bạn trong lớp thế nào?

- a. Các bạn ỉu xiu. b. Các bạn chẳng nói gì. c. Các bạn rất hào hứng.

3. Thái độ của Vân thế nào trước đề văn đó?

- a. Vân rất hào hứng.
b. Vân ỉu xiu, chẳng nói gì.
c. Vân mãi nghĩ, không nghe gì.

4. Vân mơ ước điều gì?

- a. học giỏi b. trở thành cô giáo c. mẹ chóng khỏi bệnh

5. Cô giáo nhận xét gì về ước mơ của Vân?

- a. Đó là ước mơ rất lớn lao.
b. Đó là ước mơ của người con hiếu thảo.
c. Đó là ước mơ không dễ thành hiện thực.

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới các chữ viết sai trong câu rồi sửa lại:

a. Bạn Bình luôn chú ý lắng nge cô giáo giảng bài.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Minh xấp xếp sách vở vào cặp để sách đến trường.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Nối theo mẫu để tạo từ:

chăm
bàn
bút
lớp
bài

học

bài
tập
đọc
viết
hành

Bài 3. Xếp các từ trong mỗi dòng sau thành 2 câu (viết hoa đầu câu):

a. chị / rất / em bé / yêu / . /

b. Vân / của / em / bạn / là / . /

c. Tiếng Việt / môn học / là / yêu thích / em / . /

TUẦN 3: BẠN BÈ

TẬP ĐỌC

“Bạn của Nai Nhỏ”

“Gọi bạn” (Theo Định Hải)

KỂ CHUYỆN

“Bạn của Nai Nhỏ”

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt ng/ngh; tr/ch; dấu hỏi/dấu ngã

I. Kiến thức

1. Quy tắc viết ng/ngh

– Âm **ng** đứng trước ba âm **i, e, ê**.

Ví dụ: “nghi ngút”, “lắng nghe”, “ngô nghê”,...

– Âm **ng** đứng trước các âm còn lại như **a, ă, â, o, ô, ơ**,...

Ví dụ: “ngon ngọt”, “ngay ngắn”, “ngân nga”,...

2. Phân biệt ch, tr

Ví dụ: “che chở”, “cây tre”, “chuyện trò”, ...

3. Dấu hỏi, dấu ngã

Ví dụ: “ngõ nhỏ”, “lộng lẫy”, “bỏ ngỏ”,...

II. Bài tập

Bài 1. Điền vào chỗ trống thích hợp:

a. ch/tr?

“Quả gấc nào mà _____ín

Cũng gặp được mặt _____ời

Quả khế _____ấp bao cánh

Bay tới những vì sao.

Còn bưởi cam ngọt ngào

Là vắng _____ăng em đấy

Có thêm cả _____ái thị

Cho đông đủ mùa thu.”

(Theo Nguyễn Đức Quang)

b. ng/ngh?

“Dù ai nói _____ả nói _____iêng

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.”

Bài 2. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống để tạo từ:

- a. (chiều, triều) buổi _____, thủy _____, _____ chuộng, _____ đỉnh
 b. (trung, chung) _____ thu, _____ kết, _____ thành, _____ thủy
 c. (trâu, châu) con _____, _____ báu, _____ cháu, _____ bò

Bài 3. Chọn tiếng trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a. Điền "chung" hoặc "trung":
 - trận đấu _____ kết
 - phá cỗ _____ thu
- b. Điền "chuyển" hoặc "truyền":
 - vô tuyến _____ hình
 - chim bay _____ cánh

Bài 4. Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã thích hợp vào các chữ in đậm:

- a. đẹp **đe** khuyên **nhu** **chi** huy gần **gui**
lanh lót **gia** gạo ngoan **ngoan** **manh** mai
 ngẫm **nghi** **nghi** ngơi quả **nhan** nhan **nhan**

b. **M**ỗi khi cầm **quyên** sách, cậu **chi** đọc vài dòng **đ**a ngáp ngáp dài, rồi **bo đ**ơ. **N**hưng lúc tập viết, cậu **cung** chỉ nắn nót được mấy **chư** đầu, rồi lại viết nguệch ngoạc, trông rất xấu.

Bài 5. Tích dấu ✓ vào ô trống trước những dòng có tiếng in đậm viết đúng chính tả:

- ☐ Thôi, đừng **ng**hi ngơi nữa.
☐ Căn nhà này rộng **r**ãi lắm.
☐ Cô giáo **m**ĩm cười.
☐ Họ cho là Mít chế **gi**ễu họ và dọa không chơi với Mít nữa.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Từ chỉ sự vật

Câu kiểu "Ai là gì?"

I. Kiến thức

1. Từ chỉ sự vật

Từ chỉ sự vật là những từ chỉ người, đồ vật, loài vật, cây cối,...

Ví dụ: "bác sĩ", "căn phòng", "hươu nai", "hoa phượng", ...

2. Câu kiểu “Ai là gì?”

Câu kiểu “Ai là gì?” dùng để giới thiệu hoặc nêu nhận định về người, sự vật, sự việc.

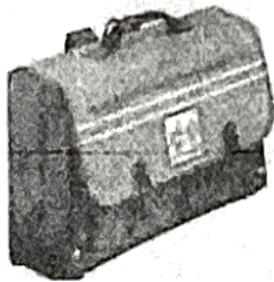
Ai (cái gì/con gì)	là gì?
Bạn Khánh Ngọc	là lớp trưởng lớp em.
Sách vở	là người bạn thân thiết của học trò.
Ong	là loài vật chăm chỉ.

II. Bài tập

Bài 1. Quan sát những bức tranh và gọi tên các sự vật:



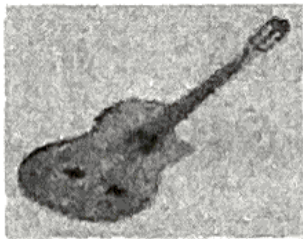
1. _____



2. _____



3. _____



4. _____



5. _____



6. _____

Bài 2. Xếp các từ sau thành 4 nhóm: từ chỉ người, từ chỉ đồ vật, từ chỉ con vật, từ chỉ cây cối.

ông, cháu, ghế đá, búp bê, cái trống, gà, cây nhãn, con ngan,
bàn ghế, chim én, em bé, cây vải

Bài 3. Khoanh vào những từ chỉ sự vật:

thầy cô	dễ thương	bút mực	cao lớn
yêu quý	chào hỏi	học sinh	y tá
thước kẻ	xanh tươi	giày dép	tập viết

Bài 4. Đánh dấu ✓ vào ô trống đặt trước câu kiểu "Ai là gì?":

- ☐ Con cóc là cậu ông trời.
- ☐ Thế là trong lớp chỉ còn Lan phải viết bút chì.
- ☐ Con trâu là đầu cơ nghiệp của nhà nông.
- ☐ Chả là hôm qua nó bị ốm.
- ☐ Hương là bạn thân của em.
- ☐ Người ta gọi chàng là Sơn Tinh.

Bài 5. Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi "Là gì?" trong các câu sau:

- a. Hoa Mơ là cô gà mái đẹp nhất trong đàn gà nhà em.
- b. Bạn Chi là con ngoan, trò giỏi.
- c. Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.
- d. Mít là bạn thân của em.

Bài 6. Dùng câu kiểu "Ai là gì?" để giới thiệu về nghề nghiệp của những người trong các bức tranh dưới đây:



(a)



(b)



(c)

Bài 7. Đặt câu kiểu “Ai là gì?” với mỗi từ sau:

“ngôi trường”, “mùa xuân”, “cây bàng”

Bài 8. Viết khoảng 3 đến 5 câu kiểu “Ai là gì?” giới thiệu nghề nghiệp của các thành viên trong gia đình em.

TẬP LÀM VĂN Sắp xếp câu trong bài
Lập danh sách học sinh

Sắp xếp các câu sau sao cho đúng thứ tự để có đoạn văn tả con ngan nhỏ:

- a. Nó có bộ lông vàng óng.
- b. Con ngan nhỏ mới nở được ba hôm, trông chỉ to hơn quả trứng một tí.
- c. Nhưng đẹp nhất là đôi mắt với cái mỏ.
- d. Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền, lúc nào cũng đưa đi đưa lại như có nước.

Thứ tự các câu là: _____

PHIẾU CUỐI TUẦN 03

I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Chim sẻ

"Trong khu vườn nọ có các bạn Kiến, Ong, Bướm, Chuồn Chuồn, Chim Sâu chơi với nhau rất thân. Sẻ cũng sống ở đó nhưng nó tự cho mình là thông minh, tài giỏi, hiểu biết hơn cả nên không muốn làm bạn với ai trong vườn mà chỉ kết bạn với Quạ.

Một hôm, đôi bạn đang đứng ở cây đa đầu làng thì bỗng một viên đạn bay trúng Sẻ. Sẻ hoảng hốt kêu la đau đớn. Sợ quá, Quạ vội bay đi mất. Cố gắng lắm sẻ mới bay về đến nhà. Chuồn Chuồn bay qua nhìn thấy Sẻ bị thương nằm bất tỉnh. Chuồn Chuồn gọi Ong, Bướm bay đi tìm thuốc chữa vết thương còn Kiến và Chim Sâu đi tìm thức ăn cho Sẻ.

Khi tỉnh dậy, Sẻ ngạc nhiên thấy bên cạnh mình không phải là Quạ mà là các bạn quen thuộc trong vườn. Sẻ xấu hổ nói lời xin lỗi và cảm ơn các bạn."

(Theo Nguyễn Tấn Phát)

1. Sẻ tự cho mình là người như thế nào?
 - a. thông minh, nhanh nhẹn, giỏi giang
 - b. thông minh, tài giỏi, hiểu biết
 - c. thông minh, hiểu biết, chăm chỉ
2. Khi Sẻ bị thương, Quạ đã làm gì?
 - a. Quạ giúp đỡ Sẻ.
 - b. Quạ vội bay đi mất.
 - c. Quạ bay đi gọi các bạn đến giúp đỡ Sẻ.
3. Theo em, vì sao Sẻ thấy xấu hổ?
 - a. Vì Sẻ không cẩn thận nên đã trúng đạn.
 - b. Vì Sẻ đã kết bạn với Quạ.
 - c. Vì Sẻ đã coi thường, không chịu kết bạn với các bạn trong vườn, những người đã hết lòng giúp đỡ Sẻ.
4. Nhóm từ nào dưới đây chỉ gồm những từ chỉ sự vật?
 - a. Quạ, Chim Sẻ, Chim Sâu, Ong
 - b. nhà, Chuồn Chuồn, Kiến, tốt bụng.
 - c. ngoan ngoãn, Quạ, Chim Sẻ, xinh đẹp

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới chữ viết sai chính tả và sửa lại:

ngơ ngách	ngỗ ngược	trâu bấu	ngiên ngã
lá che	che trở	ngô ngê	nge ngóng

Bài 2. Gạch dưới các từ chỉ sự vật có trong hai dòng thơ sau:

"Cửa sổ là mắt của nhà
Nhìn lên trời rộng, nhìn ra sông dài."

Bài 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Chiếc áo đỏ là kỉ vật thân thương của người cha để lại.

b. Con trâu là đầu cơ nghiệp.

c. Me là ngọn gió của con suốt đời.

Bài 4. Sắp xếp các câu dưới đây theo thứ tự hợp lí rồi đặt tên cho câu chuyện:

- a. Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập, được thầy yêu bạn mến.
- b. Còn Vạc đành chịu dốt.
- c. Sợ chúng bạn chê cười, đêm đến Vạc mới dám bay đi kiếm ăn.
- d. Nhờ siêng năng nên Cò học giỏi nhất lớp.
- e. Cò và Vạc là hai anh em nhưng tính nết rất khác nhau.
- f. Cò khuyên bảo em nhiều lần nhưng Vạc chẳng nghe.
- g. Còn Vạc thì lười biếng, không chịu học hành, suốt ngày chỉ rúc đầu trong cánh mà ngủ.

TUẦN 4: BẠN BÈ

TẬP ĐỌC

"Bím tóc đuôi sam" (Phỏng theo Ku-rô-y-a-na-gi)

"Trên chiếc bè" (Theo Tô Hoài)

KỂ CHUYỆN

"Bím tóc đuôi sam"

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt iê/yê, ân/âng, r/d/gi

I. Kiến thức

1. Phân biệt iê/yê

Ví dụ: "mặt biển", "yên lặng", "từ thiện",...

2. Phân biệt ân/âng

Ví dụ: "bâng khuâng", "cần cù", "ân nhân",...

3. Phân biệt r/d/gi

Ví dụ: "róc rách", "gia vị", "dịu dàng",...

II. Bài tập

Bài 1. Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

a. **r, d** hay **gi**?

_____ án đậu

_____ ể _____ àng

_____ ể cây

tôm _____ ang

_____ ao hàng

_____ ảng bài

_____ ạy học

_____ iêng biệt

b. **iên** hay **yên** (thêm dấu thanh nếu cần):

"B _____ khơi xanh thắm

Sóng vỗ trập trùng

Từng chân đảo nhỏ

Cây bàng vuông xanh

H _____ ngang trước gió

Mặn hương vị b _____

Như lính hải quân

Canh đảo ngày đêm

Cho dù mưa giông

Hay là nắng cháy

Giữ _____ hải đảo

Cho "b _____" lặng _____

(Sưu tầm)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Từ chỉ sự vật

Mở rộng vốn từ (ngày, tháng, năm)

I.Kiến thức

Mở rộng vốn từ: ngày, tháng, năm:

- Một năm có 12 tháng.
- Một tháng thường có 30 ngày được chia thành 4 tuần.
- Một tuần có 7 ngày chia thành các thứ trong tuần: thứ Hai, thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm, thứ Sáu, thứ Bảy và Chủ nhật.

II.Bài tập

Bài 1. Xếp các từ sau vào 4 nhóm và đặt tên cho mỗi nhóm:

chim sâu, bác sĩ, con mèo, cây táo, cây phượng, bút mực, đế mèn, công nhân, sư tử, cô giáo, thước kẻ, cây dừa, sách giáo khoa, học sinh, cây đào, cặp sách

Bài 2. Gạch dưới các từ chỉ sự vật có trong đoạn trích sau:

"Sau trận mưa rào, mọi vật đều sáng và tươi. Những đóa râm bụt thêm đỏ chói. Bầu trời xanh bóng như vừa được gội rửa. Mấy đám mây bông trôi nhờn nhờn, sáng rực lên trong ánh mặt trời."

("Sau cơn mưa" – Theo Vũ Tú Nam)

Bài 3. Đọc đoạn thơ sau:

"Cây gạo đầu xóm
Hoa nở chói ngời
A, nắng lên rồi
Mặt trời đỏ chói

Lá cờ Tổ quốc
Bay giữa trời xanh
Chị ơi bức tranh
Quê ta đẹp quá!"

(Trích "Vẽ quê hương" – Định Hải)

a. Gạch dưới các từ chỉ sự vật có trong đoạn thơ trên.

b. Em thấy bức tranh quê hương của bạn nhỏ trong đoạn thơ trên như thế nào?

Bài 4. Ngắt đoạn sau thành các câu và gạch dưới từ viết sai rồi sửa lại:

“Na là một cô bé tốt bụng ở lớp ai cũng quý mến em em gọt bút chì giúp bạn Lan em cho bạn Minh nửa cục tẩy nhiều nắn em làm trực nhật rúp các bạn bị mệt...”

Bài 5. Trả lời các câu hỏi sau:

a. Trường em tổ chức lễ chào cờ vào thứ mấy?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Em được sinh ra vào năm nào?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Lễ Giáng sinh được tổ chức vào tháng mấy?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Ngày nào là ngày Quốc tế Phụ nữ?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 6. Đặt câu hỏi về thời gian thích hợp với các câu trả lời sau:

– Em thường đến trường lúc 7 giờ 30 phút.

– Bố em đi công tác trong hai tuần.

– Sinh nhật bạn Chi là ngày 21 tháng 8.

– Ngày 1 tháng 6 là ngày Quốc tế Thiếu nhi.

Bài 7. Tìm từ chỉ sự vật để giải các câu đố sau:

a.

"Hoa gì chỉ nở vào hè

Từng chùm đỏ thắm, gọi ve hát mừng?"

(Là hoa gì?)

b.

"Chẳng ai biết mặt ra sao

Chỉ nghe tiếng thét trên cao ầm ầm."

(Là gì?)

c.

"Con gì sống ở trong hang

Hai càng, tám cẳng bò ngang suốt đời?"

(Là con gì?)

TẬP LÀM VĂN Cảm ơn, xin lỗi

I. Kiến thức

Trong tình huống giao tiếp nhất định, chúng ta cần biết nói lời cảm ơn, xin lỗi chân thành và lịch sự.

Ví dụ: Khi một em bé nhặt hộ em quyển sách, em cần nói lời cảm ơn:

– “Cảm ơn em, em thật là ngoan!”

II. Bài tập

Bài 1. Nhân dịp năm học mới, em được ông ngoại tặng cho chiếc cặp sách rất đẹp. Hãy viết lời cảm ơn ông.

Bài 2. Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20 – 11, hãy viết khoảng 3 câu gửi tới thầy cô đã dạy dỗ em.

PHIẾU CUỐI TUẦN 04

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Kiến và Chim Gáy

“Một hôm, Kiến khát quá bèn bò xuống suối uống nước. Chặng may trượt chân ngã, Kiến bị dòng nước cuốn đi. Chim gáy đậu trên cây, thấy kiến bị nạn liền bay đi cấp một cành cây khô thả xuống dòng nước để cứu. Kiến bám vào cành cây, thoát chết.

Ít lâu sau, Chim Gáy đang đậu trên cây rìa lông, rìa cánh, không trông thấy người đi săn nấp trong bụi cây. Người đi săn giương cung, lấp tên... Kiến thấy chim Gáy gặp nguy, vội vàng đến đốt thật đau vào chân người đi săn. Bị Kiến đốt đau quá, người đi săn kêu lên một tiếng. Nghe động, chim vỗ cánh bay đi. Thế là chim thoát nạn.

(Theo La Phong-ten)

1. Kiến bị dòng suối cuốn đi vì lí do gì?
 - a. Kiến xuống suối uống nước, bị trượt ngã.
 - b. Kiến đi kiếm ăn, bị trượt ngã xuống suối.
 - c. Kiến chẳng may bị gió thổi ngã xuống suối.
2. Thấy Kiến gặp nạn, Chim Gáy đã làm gì?
 - a. vội vã bay đi, gọi người đến cứu Kiến
 - b. gắp cành khô, thả xuống suối để cứu Kiến
 - c. vội bay sà xuống dòng suối để cứu Kiến
3. Thấy Chim Gáy sắp gặp nguy hiểm, Kiến đã làm gì?
 - a. đốt thật đau vào tay người bắn chim
 - b. kêu thật to để người đi săn giết mình
 - c. đốt thật đau vào chân người đi săn
4. Từ nào có thể thay thế từ “nấp” trong cụm từ “người đi săn nấp sau bụi cây”?
 - a. “tránh”
 - b. “trốn”
 - c. “núp”
5. Chim Gáy và Kiến đều có điểm gì tốt?
 - a. biết tự vượt qua nguy hiểm
 - b. biết giúp đỡ bạn bè khi thấy bạn gặp nạn
 - c. đoàn kết chống lại kẻ thù

II. Bài tập

Bài 1. Thực hiện các yêu cầu:

1. Gạch dưới từ không thuộc nhóm trong mỗi dãy sau:
- a. bố mẹ, thầy cô, học sinh, kĩ sư, con nhím, đội viên
- b. máy giặt, bóng điện, hoa cúc, quạt trần, ấm điện, tủ lạnh
- c. bằng lăng, hồng xiêm, phượng vĩ, cá chép, xoan đào, sầu riêng
- d. chích choè, ngan, bói cá, rô phi, tử li, ngỗng
2. Điền tiếp vào chỗ trống để nêu đúng tên của mỗi nhóm từ ở phần 1 (sau khi đã gạch dưới từ không thuộc nhóm):
- Nhóm a là những từ chỉ _____ Nhóm b là những từ chỉ _____
- Nhóm c là những từ chỉ _____ Nhóm d là những từ chỉ _____

Bài 2. Gạch dưới các từ chỉ sự vật trong những câu sau:

"Đã sang tháng tám. Mùa thu về, vùng cao không mưa nữa. Trời xanh trong. Những dãy núi dài, xanh biếc. Nước chảy róc rách trong khe núi."

Bài 3. Viết câu hỏi hoặc câu trả lời thích hợp vào chỗ trống:

Câu hỏi	Câu trả lời
a. Hôm nay là thứ mấy?	
b. Bạn sinh vào ngày nào?	
c.	Ngày Tết của thiếu nhi là ngày mồng một tháng sáu.
d.	Một năm có mười hai tháng.
e. Một tuần có bao nhiêu ngày?	

Bài 4. Ngắt đoạn sau thành 3 câu và viết hoa chữ đầu câu:

"Long bị ốm và không đi học được bạn bè trong lớp đến thăm Long và chép bài giúp bạn ai cũng mong Long mau khoẻ để đến lớp học"

Bài 2. Điền vào chỗ chấm thích hợp:

a. l hay n:

- ____ong ____anh đáy ____ước in trời.
- Đầu tường ____ửa ____ựu ____ập ____òe đơm bông.

b. s hay x:

- Bầu trời ____ám ____ít như ____à ____uống ____át tận chân trời.
- ____au trận mưa rào, mọi vật đều ____áng và tươi hơn.

Bài 3. Gạch dưới các từ chỉ sự vật trong đoạn thơ sau:

“Mắt của ngôi nhà
Là những ô cửa
Hai cánh khép mở
Như hai hàng mi.”

(Sưu tầm)

Bài 4. Điền dấu chấm, dấu phẩy vào chỗ trống thích hợp và viết hoa đầu câu:

“Ngày xưa có đôi bạn là Diệc và Cò () chúng thường cùng ở () cùng ăn () cùng làm việc và đi chơi cùng nhau () hai bạn gắn bó với nhau như hình với bóng ()”

Bài 5. Viết lời giới thiệu về sở thích của em với cô giáo và các bạn cùng lớp.

TUẦN 5: TRƯỜNG HỌC

TẬP ĐỌC

"Chiếc bút mực" (Theo Sva-rô)

"Mục lục sách"

KỂ CHUYỆN

"Chiếc bút mực"

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt l/n, ia/ya, en/eng, i/iê

Bài 1. Chọn từ/tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- Một người _____ mặt đi với một người đeo mặt _____. (nạ, lạ)
- Tôi uống ngon _____ một cốc sữa đậu _____. (nành, lành)
- Mẹ mong sao con lớn _____ mạnh khỏe. (nên, lên)
- Thanh _____ lẽ bē bao gạo rất _____. (nặng, lặng)

Bài 2. Điền vào chỗ trống **ia** hoặc **ya** cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

- | | | | |
|---------------|----------------|--------------|---------------|
| đêm khu _____ | cây m _____ | y ngh _____ | t _____ nắng |
| phép ch _____ | tình ngh _____ | b _____ rượu | sớm khu _____ |

Bài 3. Điền vào chỗ trống **en** hoặc **eng** cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

- hoa s _____ cái x _____ tiếng k _____ bảng đ _____
kh _____ chê chiếc xà b _____ x _____ kê reng r _____

- "Âm thanh nghe rất qu _____
Tiếng k _____ vang giòn giã
Đàn cá ch _____ chúc nhau
Quầy mình ăn vội vấ."

Bài 4. Điền **i** hoặc **iê** vào chỗ trống thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

- mực t _____ quả s _____ thanh k _____ t _____ tưởng
lúa ch _____ ch _____ nổi kim t _____ con k _____

- "V _____ t Nam đất nước ta ơi!
Mênh mông b _____ n lúa đầu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lả dập dờn
Mây mờ che đ _____ nh Trường Sơn sớm ch _____ u."

(Theo Nguyễn Đình Thi)

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Tên riêng

Câu kiểu “Ai là gì?”

I. Kiến thức

1. Viết hoa tên riêng

Tên riêng của một người, một tỉnh, một thành phố, một con sông, một ngọn núi... được viết hoa.

Ví dụ: Nguyễn Quang Bình, dãy Hoàng Liên Sơn, sông Cửu Long,...

2. Câu kiểu “Ai là gì?”

- Câu kiểu “Ai là gì?” dùng để giới thiệu hoặc nêu nhận định về người, sự vật, sự việc.
- Bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ai?” thường là từ chỉ người, con vật, đồ vật, cây cối... (bộ phận chính thứ nhất).
- Bộ phận trả lời cho câu hỏi “Là gì?” thường nêu lời giới thiệu, nhận định về người, con vật, đồ vật, cây cối (bộ phận chính thứ hai).
- Giữa hai bộ phận chính của câu được nối với nhau bằng từ “là”.

Ví dụ:

Bộ phận chính thứ nhất	Từ nối	Bộ phận chính thứ hai
Mùa xuân	là	mùa đầu tiên của một năm.
Hòa	là	một lớp trưởng gương mẫu.

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới từ chỉ tên riêng trong các câu sau:

- a. Việt Nam có nhiều loài hoa đẹp: lan, huệ, hồng, đào, mai...
- b. Các bạn Hoa, Lan, Huệ, Hồng, Đào và Mai đều đạt danh hiệu học sinh giỏi.

Bài 2. Gạch dưới các từ chỉ địa danh:

“Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ,
Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn,
Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn,
Hỏi ai gây dựng nên non nước này?”

Địa danh trên thuộc tỉnh/thành phố nào của nước ta? _____

Bài 3. Viết lại cho đúng các tên riêng sau:

a. Tên người:	
nguyễn đăng mạnh	
tạ quang bửu	
nguyễn ngọc trường sơn	
cao bá quát	
nguyễn minh anh	
b. Tên địa lí:	
động phong nha kẻ bàng	
thủ đô hà nội	
đà nẵng	
đảo bình ba	
dòng sông cửu long	

Bài 4. Gạch dưới từ chỉ địa danh trong đoạn trích sau. Sửa lại các tên riêng viết sai.

“Nhà tôi ở hà nội, cách Hồ Gươm không xa. Từ trên cao nhìn xuống, mặt hồ như một chiếc gương bầu dục khổng lồ, sáng long lanh.

Cầu Thê húc màu son, cong như con tôm, dẫn vào đền ngọc sơn. Mái đền lấp ló bên gốc đa già, rễ lá xum xuê. Xa một chút là tháp rùa, tường rêu cổ kính. Tháp xây trên gò đất giữa hồ, cỏ mọc xanh um.”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5.

a. Viết họ và tên của 2 người bạn:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Viết tên 2 địa điểm du lịch:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 6. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Cô giáo là người mẹ thứ hai của em.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Môn học yêu thích của em là Tiếng Việt và Toán.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Hải Anh là người hát hay nhất lớp em.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Gà rán là món ăn em yêu thích.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 7. Thêm từ ngữ thích hợp để được các câu kiểu “Ai là gì?”:

a. “Quyển truyện này...”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. “Thỏ và Gấu...”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. “Ông lão...”

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

TẬP LÀM VĂN Trả lời câu hỏi

Đặt tên cho bài

Luyện tập về mục lục sách

I. Kiến thức

Mục lục sách: Thường xuất hiện ở đầu hoặc cuối quyển sách. Mục lục bao gồm hai phần chính: tên bài, số trang tương ứng.

II. Bài tập

Bài 1. Viết câu trả lời cho các câu hỏi sau:

a. Em có biết chơi đàn không?

b. Môn học em yêu thích là gì?

c. Mục lục sách dùng để làm gì?

Bài 2. Dựa vào nội dung sau, điền vào bảng cho thích hợp:

Các bài tập đọc ở tuần 4 nói về “Bạn bè”. Trang 31 có bài “Bím tóc đuôi sam”, bài “Trên chiếc bè” ở trang 34, còn trang 36 có bài “Mít làm thơ” (tiếp theo).

Tuần	Chủ điểm	Phân môn	Tên bài	Trang

PHIẾU CUỐI TUẦN 05

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Đón ngày khai trường

“Hôm nay, một ngày cuối thu đầy nắng. Gió chạy khắp sân trường gọi lá bàng háo hức. Nắng nhảy nhót trên những tán lá bàng xanh, làm tươi lên cái áo vôi vàng của ngôi trường.

Cổng trường rung lên rồi rộng mở. Sân trường tràn ngập những âm thanh lành lớt của bầy trẻ. Bọn trẻ tung tăng khắp chốn, kéo nhau lên gác, xô nhau xuống sân. Chúng ôm lấy thân cây bàng, giúi vào nhau cười trong những trò chơi đuổi bắt.

Tùng! Tùng! Tùng... Tiếng gọi đầm ấm của bác trống già vang lên. Từ gác trên lao xuống, từ trong lớp chạy ra,... học sinh dồn cả về phía sân trường. Tiếng hát cất lên, dồn dập trong tiếng vỗ tay. Kết thúc bài hát, giọng cô giáo ngân vang: “Ngày mai, chúng ta sẽ khai trường, bắt đầu một năm học mới!”.

(Theo Lê Phương Liên)

1. Đoạn 1 tả gió và nắng thế nào?

- a. Gió chạy khắp sân trường; nắng gọi những lá bàng xanh háo hức.
- b. Gió chạy đến gọi lá bàng; nắng nhảy nhót trên cái áo vôi vàng.
- c. Gió chạy khắp sân trường; nắng nhảy nhót trên những tán lá bàng.

2. Đoạn 2 tả cảnh gì?

- a. Cảnh học trò vui đùa nhộn nhịp, náo nức ở cổng trường.
- b. Cảnh học trò tung tăng vui đùa khắp nơi trong trường.
- c. Cảnh học trò kéo nhau xuống sân để chơi trò đuổi bắt.

3. Đoạn 3 tả những âm thanh gì ở sân trường?

- a. tiếng trống, tiếng hát, tiếng chân đi, tiếng vỗ tay
- b. tiếng trống, tiếng hát, tiếng vỗ tay, tiếng cô giáo
- c. tiếng trống, tiếng cô giáo, tiếng học trò cười vui

4. Đoạn trích miêu tả cảnh gì?

- a. cảnh học sinh vui chơi và háo hức chuẩn bị đón ngày khai trường
- b. cảnh học sinh háo hức vui chơi trong ngày khai trường
- c. cảnh sân trường đầy nắng, gió

II. Bài tập

Bài 1. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a. _____ yên, _____ nề, _____ lẽ, bệnh _____ (lặng/nặng)
 b. _____ linh, _____ tung, _____ nấu, _____ vôi (lung/ nung)

Bài 2. Viết họ và tên của các thành viên trong gia đình em.

Bài 3. Gạch dưới các tên riêng và ghi lại các câu kiểu "Ai là gì?":

"(1) Chào các bạn! (2) Tên của mình là Nguyễn Hà Phương Chi. (3) Mình sinh ra tại Hải Phòng – một thành phố biển rất đẹp. (4) Môn học mình yêu thích nhất là Tiếng Việt. (5) Mình còn say mê vẽ tranh và thích ca hát nữa. (6) Mình là thành viên tích cực của Câu lạc bộ Sơn Ca."

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 4. Viết câu theo kiểu "Ai là gì?" để giới thiệu:

a. món ăn em yêu thích

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. nghề nghiệp của bố hoặc mẹ em

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Giải các câu đố sau:

a. "Cùng họ hàng với táo

Da vàng quả lại dài

Ăn vào liền hết khát

Đoán được đúng mới tài."

Là quả _____

b. "Cây gì không lá không hoa

Sáng ngày sinh nhật, cả nhà vây quanh."

Là cây _____

TUẦN 6: TRƯỜNG HỌC

TẬP ĐỌC

“Mẫu giấy vụn” (Theo Quế Sơn)

“Ngôi trường mới” (Theo Ngô Quân Miện)

KỂ CHUYỆN

“Mẫu giấy vụn”

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt s/x, ai/ay, dấu hỏi/dấu ngã

Bài 1. Điền vào chỗ trống cho thích hợp:

a. **s** hay **x**?

- Bé quét nhà cửa _____ạch _____ẽ quá!
- Mùi _____oài thơm dịu dàng, vị ngọt đậm đà, màu _____ắc đẹp, quả lại to.
- Những bông hoa màu _____anh lộng lẫy dưới ánh mặt trời buổi _____áng.
- Mới _____áng tinh mơ, Chi đã vào vườn hoa của trường. Em đến tìm những bông cúc màu _____anh.

b. **ai** hay **ay**? (thêm dấu thanh nếu cần)

vị c_____	mười h_____	bàn t_____	rửa t_____
ngày m_____	m_____ắm	chê b_____	xe t_____

Bài 2. Điền vào chỗ trống **ai** hoặc **ay** cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

“Ng_____hôm qua ở lại
Trên cành hoa trong vườn
Nụ hồng lớn lên m_____
Đợi đến ng_____tỏa hương.”

(Theo Bế Kiến Quốc)

Bài 3. Điền dấu hỏi hoặc dấu ngã vào chữ in đậm:

- a. Mơ hộp thịt ra chỉ thấy toàn **mơ**.
- b. Anh phải **ng**hi đến chuyện **ng**hi ngơi.
- c. Ngôi nhà **n**ho trên **th**ao nguyên.
- d. Hằng ngày, các bạn **tr**e cần n^hng tập **th**e dục, tắm **r**ua sạch **s**e **đ**ê cho thân **th**e được **k**hoe mạnh.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Câu kiểu "Ai là gì?"

Khẳng định, phủ định

Mở rộng vốn từ (từ ngữ về đồ dùng học tập)

Bài 1. Gạch dưới các từ viết sai trong đoạn trích sau và sửa lại:

"Em bước vào lớp, vừa bỡ ngỡ vừa thấy quen thân. Tường vôi trắng, cánh cửa sanh, bàn ghế gỗ xoan đào nổi vân như lụa. Em thấy tất cả đều sáng lên và thơm tho trong lặng mùa thu."

Bài 2. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Chim Sẻ và Sáo Nâu là đôi bạn thân.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. "Chuyện con mèo dạy hải âu bay" là một cuốn sách rất nổi tiếng.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Bác Gấu Nâu là thầy giáo của Nai Nhỏ.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi "Là gì?" trong mỗi câu sau:

a. Ngày Tết của thiếu nhi là ngày mồng một tháng sáu.

b. Ông tôi là một bác sĩ đã về hưu.

c. Sở thích của em là nghe nhạc.

d. Hồ là chúa tể rừng xanh.

Bài 4. Gạch một gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi "Ai (cái gì, con gì)?" và gạch hai gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi "Là gì?" trong các câu sau:

a. Mít là một cậu bé sinh ra ở thành phố Tí Hon.

b. Chiếc cặp tôi mang là phần thưởng bố tặng.

c. Sông Hồng và sông Cửu Long là hai con sông lớn của nước ta.

d. Hôm nay, Nam là người đến lớp sớm nhất.

Bài 2. Đọc trích đoạn mục lục quyển “Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi từ sau Cách mạng tháng Tám” (Nhà xuất bản Giáo dục, 2002) dưới đây:

STT	Tên truyện	Tác giả	Trang
1	“Ông Trọng thả diều”	Hà Ân	5
2	“Chuyện về một người thầy”	Hà Ân	14
3	“Cậu bé xấu xí”	Hà Ân	22
4	“Chuyện về một giấc mơ”	Hà Ân	30
5	“Đôi quốc bỏ quên”	Văn Biển	39
6	“Em bé bên bờ sông Lai Vu”	Vũ Cao	43
7	“Trước lăng mộ vua Quang Trung”	An Cương	66
8	“Nàng tiên đảo Ngọc”	Lý Biên Cương	75
9	“Nguyên và Thùy”	Lý Biên Cương	80
10	“Em bé và bông hồng”	Trần Hoài Dương	86

Dựa vào đoạn mục lục trên, hãy điền vào chỗ chấm cho thích hợp:

- a. Nhà văn có 4 truyện ngắn được in trong tuyển tập là _____.
- b. Truyện ngắn “Đôi quốc bỏ quên” của nhà văn _____ in ở trang _____.
- c. Truyện ngắn “Trước lăng mộ vua Quang Trung” của nhà văn _____ in ở trang _____.
- d. Nhà văn Lý Biên Cương có truyện ngắn _____ in ở trang 75.
- e. Truyện ngắn của nhà văn Trần Hoài Dương ở trang 86 có tên là _____
_____. Đây là truyện thứ _____ trong tuyển tập.

PHIẾU CUỐI TUẦN 06

I. Đọc – hiểu

Đọc bài thơ sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Ngày đầu tiên đi học

"Ngày đầu tiên đi học"

Ngày đầu như thế đó

Mẹ dắt tay đến trường

Cô giáo như mẹ hiền

Em vừa đi vừa khóc

Em bây giờ cứ ngỡ

Me dễ dàng yêu thương.

Cô giáo là cô tiên.

Ngày đầu tiên đi học

Em bây giờ khôn lớn

Em mắt ướt nhạt nhòa

Bỗng nhớ về ngày xưa

Cô vổ về an ủi

Ngày đầu tiên đi học

Chào ôi! Sao thiết tha.

Me cô cùng vồ về."

(Theo “Cuộc sống và sự nghiệp”)

- Ngày đầu tiên đi học, ai là người đưa bạn nhỏ tới trường?
 - mẹ
 - bố và mẹ
 - mẹ và cô giáo
- Hình ảnh bạn nhỏ ngày đầu tiên đi học như thế nào?
 - tươi vui, phấn khởi
 - rụt rè nép sau lưng mẹ
 - vừa đi, vừa khóc
- Cô giáo đã làm gì khi thấy ngày đầu tiên đến trường bạn nhỏ khóc?
 - dỗ dành yêu thương
 - dắt tay vào lớp
 - vỗ về an ủi
- Dòng nào dưới đây gồm các từ chỉ sự vật?
 - đi học, bàn, ghế, viết bài, nghe giảng
 - trường, cô giáo, sách, bút, thước kẻ
 - ngoan ngoãn, thông minh, chăm chỉ
- Hình ảnh cô giáo trong buổi đầu bạn nhỏ đến trường được so sánh với ai?
 - mẹ hiền, cô tiên
 - người mẹ thứ hai
 - bà tiên
- Viết tiếp vào chỗ trống để tạo câu theo mẫu "Ai là gì?".
 - Tên trường của em _____
 - Lớp của em _____

II. Bài tập

Bài 1. Chọn tiếng thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

- a. _____ đầu, dòng _____, bươn _____, _____ xiết (chải, chảy)
- b. con _____, hôm _____, _____ mai (nai, nay)
- c. giọt _____, bộ _____, _____ sớm, _____ sườn (xương, sương)

Bài 2. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Nguyễn Hiền là người đỗ Trạng nguyên từ lúc 13 tuổi.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Phần thưởng của Hương là một chiếc bút mực.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Trà Mi là cô bé có khiếu âm nhạc.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Hang động là nơi ở của nhiều loài động vật.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 3. Gạch dưới từ chỉ sự vật và giải câu đố:

"Áo em có đủ các màu
Thân em trắng muốt như nhau thẳng hàng
Mỏng dày là ở số trang
Lời thầy cô, kiến thức vàng trong em."

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 1)

Bài 1. Đọc câu chuyện dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

“Một chú bé đang chăn cừu bỗng
giả vờ kêu toáng lên:

– Sói! Sói! Cứu tôi với!

Nghe tiếng kêu cứu, các bác nông
dân đang làm việc gần đấy tức tốc chạy
tới nhưng chẳng thấy sói đâu.

Chú bé còn nói dối như vậy mấy
lần nữa. Cuối cùng, sói đến thật. Chú bé
hoảng hốt gào xin cứu giúp. Các bác
nông dân nghĩ chú nói dối như mọi lần
nên vẫn thản nhiên làm việc. Cuối cùng, bầy sói tự do ăn thịt hết đàn cừu.” (Sưu tầm)



1. Đặt tên cho câu chuyện trên.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2. Khi đang chăn cừu, chú bé đã giả vờ kêu toáng lên điều gì?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

3. Nghe tiếng kêu của cậu bé, các bác nông dân chạy tới nhưng kết quả thì sao?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Vì mấy lần cậu bé nói dối, khi có sói đến thật, kết quả của bầy cừu như thế nào?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

5. Em hãy cho cậu bé trong câu chuyện trên một lời khuyên.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 2. Điền vào chỗ trống **tr** hay **ch**:

“Nền _____ời rực hồng. Từng đàn én _____ao lượn, bay ra phía biển. Những
con tàu sơn _____ắng đậu san sát, tung bay cờ đủ màu sắc, _____ông _____úng như
những tòa lâu đài nổi ẩn hiện _____ong gió ban mai.”

TUẦN 7: THẦY CÔ

TẬP ĐỌC

"Người thầy cũ" (Theo Phong Thu)

“Thời khóa biểu”

KỂ CHUYỆN

“Người thầy cũ”

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt tr/ch, ui/uy, iên/iêng

Bài 1. Điền vào chỗ trống **tr** hoặc **ch** cho thích hợp:

- a. _____ ưa đến _____ ưa mà _____ ời đã nắng _____ ang _____ ang.
- b. _____ ong _____ ạn, mẹ em để _____ én bát, _____ ai lọ.
- c. Các bạn đang chơi _____ ong _____ óng _____ ong nhà.
- d. Đó là một _____ àng _____ ai nghèo nhưng rất tốt bụng.
- e. Những _____ ổi non xanh đã _____ ổi lên khỏi lớp vỏ già nua.

Bài 2. Điền vào chỗ trống **iên** hoặc **iêng** cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

- a. k_____nhẫn h_____hậu h_____ngang s_____r_____
- bà t_____ s_____năng thiêng l_____ b_____cương

- b. "Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim ch_____ ch_____
Hót chi mà vang trời."

(Thanh Hải)

Bài 3. Điền vào chỗ trống **ui** hoặc **uy** cho thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

- v_____ẻ ng_____hiếm l_____tre lau ch_____
- r_____băng chuột t_____ x_____khiến kh_____áo

Bài 4. Gạch dưới từ viết sai chính tả và sửa lại:

“Chên nương, mỗi người một việc. Người lớn thì đánh châu ra đồng. Các cụ già nhặt cỏ, đốt lá. Mấy trú bé đi tìm chỗ ven suối để bắc bếp thổi cơm.”

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Mở rộng vốn từ (từ ngữ về môn học)

Từ chỉ hoạt động

I. Kiến thức

1. Vốn từ về môn học

Ví dụ: "Toán", "Tiếng Việt", "Tiếng Anh", "Mĩ thuật", "Âm nhạc",...

2. Từ chỉ hoạt động

Từ chỉ hoạt động: Là những từ nêu lên hành động, hoạt động của người, loài vật,...

Ví dụ: "múa", "hát", "chạy nhảy",...

II. Bài tập

Bài 1. Khoanh vào các từ ngữ gọi tên môn học:

Tiếng Việt	tô màu	Mĩ thuật	Địa lí
đánh đàn	tranh vẽ	tri thức	Đạo đức
tính toán	Toán	cắt dán	Tự nhiên và Xã hội

Bài 2. Chọn và điền các từ chỉ hoạt động, trạng thái thích hợp vào chỗ trống:

(ngậm, nghiền, gặm, nhai, khóc, đâm, đổ, chạy, gặt, hái)

Kể việc

"Trâu _____ cỏ	Tre _____ măng	Bố _____ lúa
Thỏ _____ nhanh	Trăng có tán	Bà _____ trâu
Nai hiền lành	Đang hạn hán	Mẹ _____ rau
Trai _____ ngọc	Trời _____ mưa	Hãy mau mau
Cá sấu _____	Bé say sưa	Cùng kể tiếp."
Cóc _____ răng	Trưa mùa hạ	(Sưu tầm)

Bài 3. Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp điền vào chỗ trống:

- Thầy giáo _____ chúng em học bài.
- Các bạn nam đang _____ bóng đá.
- Mẹ _____ nhà cửa sạch sẽ, tinh tươm.
- Bố _____ cho em bộ quần áo mới.

TẬP LÀM VĂN Kể ngắn theo tranh

Luyện tập về thời khóa biểu

Hãy kể câu chuyện "Ve Sầu và Kiến" theo tranh dựa vào gợi ý:



(1)



(2)



(3)



(4)

(1) "Ngày hè, những loài vật ca hát vui chơi, riêng Kiến ..."

(2) “Thấy Kiến đi qua, Ve Sầu ...”

(3) “Mùa đông đến, Ve Sầu ...”

(4) "Còn Kiến thì ..."

PHIẾU CUỐI TUẦN 07

I. Đọc hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Ba người bạn

“Chuồn Chuồn, Ong và Bướm là ba người bạn cùng sống với nhau trong một khu vườn. Trong khi Ong suốt ngày tìm hoa làm mật thì Chuồn Chuồn và Bướm cứ mãi miết rong chơi.

Chuồn Chuồn chế nhạo:

- Cậu thật ngốc, chẳng biết gì là niềm vui trên đời này!

Bướm chê bai:

- Siêng năng thì ai khen đâu chứ!

Ngày nọ, một cơn bão ập đến. Cây cỏ trong vườn bị tan hoang. Chuồn Chuồn và Bướm chẳng còn gì để ăn cả.

Ong rủ:

- Các cậu cùng về sống chung với tớ đi!

Chuồn Chuồn rất cảm động:

- Cảm ơn cậu! Chúng tớ ân hận lắm. Từ giờ chúng tớ sẽ chăm chỉ làm việc.”

(Sưu tầm)

1. Câu chuyện trên kể về những con vật nào?

- a. Ong và Bướm b. Ong, Chuồn Chuồn c. Chuồn Chuồn, Ong, Bướm

2. Khi thấy Ong chăm chỉ làm việc, Chuồn Chuồn và Bướm có thái độ và hành động gì?

- a. khen ngợi b. chế nhạo, chê bai c. cảm động, ân hận

3. Khi cơn bão ập đến, Ong đã đối xử với Chuồn Chuồn và Bướm như thế nào?

- a. Ong bỏ mặc và không quan tâm đến hai bạn của mình.
b. Ong rủ Chuồn Chuồn và Bướm về sống chung với mình.
c. Ong cười nhạo, chê bai hai bạn của mình.

4. Khi được Ong giúp đỡ trong cơn hoạn nạn, Chuồn Chuồn thế nào?

- a. cảm động, ân hận b. thờ ơ, lạnh lùng c. cảm động không nói nên lời

5. Tìm 1 câu kiểu “Ai là gì?” trong câu chuyện trên.

TUẦN 8: THẦY CÔ

TẬP ĐỌC

“Người mẹ hiền” (Theo Nguyễn Văn Thịnh)

“Bàn tay dịu dàng” (Theo Xu-khôm-lin-xki)

KỂ CHUYỆN

“Người mẹ hiền”

CHÍNH TẢ

Tập chép, nghe – viết

Phân biệt r/d/gi, ao/au, uôn/uông

Bài 1. Điền vào chỗ trống thích hợp (thêm dấu thanh nếu cần):

a. **r, d** hoặc **gi**:

– cá _____ ô _____ áo viên _____ ản dị _____ ọt sương

_____ an nhà _____ a đình _____ ạt dào nóng _____ an

– Đôi _____ ày này để rất _____ ày.

– Khi làm bài kiểm tra, không được _____ ở sách ra xem.

b. **uôn** hoặc **uông**:

– Cây có cội, nước có ng _____.

– Tháng bảy heo may, ch _____ ch _____ bay thì bão.

– _____ nước nhớ ng _____.

c. **ao** hay **au**:

lời ch _____ chim s _____ kh _____ khỉnh

con ch _____ m _____ sắc m _____ gà

Bài 2. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn điền vào chỗ trống:

a. (sáo, sáu) chim _____, số _____, huyết _____, điểm _____, thứ _____

b. (dán, gián, rán) _____ thư, _____ điệp, bánh _____, _____ mỡ, con _____

c. (cao, cau) _____ thấp, quả _____, hươu _____ cổ, _____ ráo, _____ có

Bài 3. Gạch dưới các chữ viết sai chính tả rồi sửa lại:

“Em yêu giòng kênh nhỏ

Chảy giữa hai dãy cây

Bên di dào sóng lúa

Gương nước in chời mây.”

LUYỆN TỪ VÀ CÂU Từ chỉ hoạt động, trạng thái

Dấu phẩy

I. Kiến thức

1. Từ chỉ hoạt động, trạng thái

Từ chỉ trạng thái: Là những từ nêu lên tâm trạng, cảm xúc của người hoặc sự vật.

Ví dụ: "buồn", "vui", "hối hận", "bâng khuâng",...

2. Dấu phẩy

Dấu phẩy dùng để ngăn cách các từ ngữ cùng một vai trò trong câu.

Ví dụ: – "Hai anh em tôi đều là con ngoan, trò giỏi."

– "Hong, cúc, thược dược đều thi nhau khoe sắc."

II. Bài tập

Bài 1. Điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong các câu sau:

- Chúng em luôn ngoan ngoãn vâng lời ông bà cha mẹ.
- Chú đi mãi gặp ai cũng hỏi thăm bố.
- Buổi sáng sương muối phủ trắng cành cây bãi cỏ.
- Con gà con vịt con ngan đều là gia cầm.
- Mẹ mua cho em rất nhiều thứ như: quần áo đồ chơi sách vở.
- Sáng dậy em đánh răng rửa mặt ăn sáng rồi đi học.

Bài 2. Điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong đoạn trích sau:

"Từ xa nhìn lại cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh lung linh trong nắng. Chào mào sáo sậu sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về lượn lên lượn xuống."

(Theo Vũ Tú Nam)

Bài 3. Chọn từ chỉ hoạt động, trạng thái trong ngoặc đơn điền vào đoạn thơ sau:

(buồn, đi vắng, nghỉ, ngắm nghĩ)

"Cái trống trường em

Mùa hè cũng

Suốt ba tháng liền

Trống nằm

_____ không hả trống

Trong những ngày hè

Bọn mình _____

Chỉ còn tiếng ve?"

Bài 4. Tìm các từ ngữ chỉ hoạt động điền vào mỗi nhóm sau (theo mẫu):

a. Chỉ hoạt động của thầy, cô trên lớp (ví dụ: "giảng bài")

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

b. Chỉ hoạt động của học sinh trong giờ học (ví dụ: "phát biểu")

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

c. Chỉ hoạt động của em bé (ví dụ: "tập đi")

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

d. Chỉ hoạt động của mẹ em lúc nấu ăn (ví dụ: "nấu canh")

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 5. Tìm các từ ngữ thích hợp để điền vào bảng theo mẫu:

Tiếng	Từ chỉ sự vật	Từ chỉ hoạt động, trạng thái
"bay"	"máy bay"	"bay lượn"
"đá"		
"may"		
"cười"		
"hát"		

I. Kiến thức

- Khi khách đến nhà chơi, chủ nhà nói lời mời khách vào nhà với thái độ vui vẻ, niềm nở, lịch sự.

- Trong tình huống chúng ta muốn nhờ, yêu cầu hay đề nghị người khác, ta cần có lời nói với thái độ lịch sự.

2. Kể ngắn theo câu hỏi

II. Bài tập

a. Cún Con lúc nào cũng đùa giỡn làm đàn gà con của chị Mái Mơ khiếp sợ. Theo em, chị Mái Mơ sẽ nói gì với Cún Con?

a. Em thường làm những việc gì giúp mẹ?

PHIẾU CUỐI TUẦN 08

I. Đọc – hiểu

Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Bức tranh bàn tay

"Giờ học vẽ, cô giáo bảo mỗi học sinh vẽ một bức tranh thể hiện lòng biết ơn của các em.

Nhận tranh của học sinh, cô rất ngạc nhiên thấy tranh của Đức chỉ có hình một bàn tay được vẽ rất đơn giản, ngây ngô.

– Vì sao em vẽ bàn tay? Bàn tay đó của ai? – Cô giáo đến bên Đức và hỏi nhỏ câu bé.

– Đó là bàn tay của cô đấy ạ. – Câu bé thì thầm.

Cô giáo nhớ lại: Trong giờ giải lao, cô thường nắm tay Đức. Cô cũng làm thế với những học trò khác, nhưng với Đức, một cậu bé cô độc, ít nói, điều này rất có ý nghĩa.

Cô giáo cảm thấy mình vừa nhận được một món quà rất quý từ bức tranh."

(Sưu tầm)

1. Câu chuyện trên xảy ra trong giờ học nào?

- a. Âm nhạc b. Mĩ thuật c. Tiếng Việt

2. Khi nhận tranh của Đức, thái độ của cô giáo như thế nào?

- a. vui vẻ b. giận dữ c. ngạc nhiên

3. Bức tranh "bàn tay" của Đức vẽ về ai?

- a. chính bản thân Đức b. bạn cùng lớp với Đức c. cô giáo của Đức

4. Câu nào dưới đây viết theo mẫu "Ai là gì?"?

- “Đức rất biết ơn cô giáo.”
- “Đức vẽ bức tranh bàn tay.”
- “Bức tranh là món quà tặng cô giáo.”

5. Qua câu chuyện trên, em thấy “bức tranh bàn tay” của Đức nói lên điều gì?

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới từ ngữ không cùng nhóm với các từ còn lại:

- a. thức dậy, sách vở, ăn sáng, đi học
- b. phát biểu, hăng hái, thảo luận, ra chơi
- c. tắm rửa, chăm chỉ, lau dọn, học tập

Bài 2. Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp:

- a. Hoa hồng hoa lan đều đẹp và thơm.
- b. Đầu năm học mới mẹ mua cho em đầy đủ sách vở bút mực.
- c. Buổi sáng bố mẹ đi làm em đi học.
- d. Chúng em luôn vâng lời ông bà bố mẹ.
- e. Núi đồi thung lũng làng bản chìm trong biển mây mù.

Bài 3. Gạch dưới các từ chỉ hoạt động, trạng thái trong đoạn thơ sau:

"Cơn mưa rơi nho nhỏ
Không làm ướt tóc ai
Tay em che trang vở
Mưa chẳng khắp bàn tay.

Mưa yêu em mưa đến
Dung dăng cùng đùa vui
Mưa cũng làm nũng mẹ
Vừa khóc xong đã cười."

(Theo Tô Đông Hải)

Bài 4. Đặt câu với mỗi từ sau: "chạy", "chở", "thối".

Bài 5. Viết 3 câu kể về những việc em thường làm ở lớp.

PHIẾU ÔN SỐ 2

Bài 1. Đọc câu chuyện sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Đi chợ

“Có một cậu bé được bà sai đi chợ. Bà đưa cho cậu hai đồng và hai cái bát, dặn:

– Cháu mua một đồng tương, một đồng mắm nhé!

Cậu bé vâng dạ, đi ngay. Gần tới chợ, cậu bỗng hốt hải chạy về, hỏi bà:

– Bà ơi, bát nào đựng tương, bát nào đựng mắm?

Bà phì cười:

– Bát nào đựng tương, bát nào đựng mắm mà chả được.

Cậu bé lại ra đi. Đến chợ, cậu lại ba chân bốn cẳng chạy về, hỏi:

– Nhưng đồng nào mua mắm, đồng nào mua tương ạ?”

(Theo Truyện cười dân gian Việt Nam)

1. Cậu bé đi chợ mua gì?

- a. mua mắm b. mua tương c. mua mắm và mua tương

2. Vì sao gần tới chợ cậu lại quay về nhà?

- a. Vì cậu quên tiền.
b. Vì cậu không biết bát nào đựng mắm, bát nào đựng tương.
c. Vì cậu quên mang bát.

3. Vì sao bà phì cười khi nghe cậu hỏi?

- a. Vì bát nào đựng mà chả được. b. Vì bà buồn cười. c. Vì cậu bé hay quên.

4. Lần thứ hai, cậu quay về hỏi bà điều gì?

- a. Cậu hỏi bà lấy tiền để đi mua tương và mắm.
b. Cậu hỏi xem đồng nào mua mắm, đồng nào mua tương.
c. Cậu hỏi bà lấy bát để đựng mắm, đựng tương.

5. Câu chuyện có mấy nhân vật? Đó là những ai?

Bài 2. Điền vào chỗ trống **ng** hay **nh**?

a. _____ ẽ _____ iệp suy _____ ĩ ngành _____ ẽ _____ on lành

b. Chú _____ é con _____ ơ _____ ác _____ iêng đầu lẳng _____ e một âm thanh lạ từ xa vọng lại.

Bài 3. Tìm các từ chỉ hoạt động, trạng thái trong đoạn thơ sau:

“Chị mây vừa kéo đến

Trăng sao trốn cả rồi

Đất nóng lòng chờ đợi

Xuống đi nào, mưa ơi!"

(Đỗ Xuân Thanh)

Bài 4. Gạch dưới từ ngữ không cùng nhóm với các từ còn lại:

a. chạy, nhảy, nô đùa, quyển vở, học bài

b. học sinh, giáo viên, đọc sách, nhà trường, bàn ghế

c. vuông, tròn, méo, hình tròn, thẳng

Bài 5. Viết đoạn văn khoảng 5 câu kể về một con vật mà em yêu quý.

TUẦN 9: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Mùa xuân trên cánh đồng

“Mùa xuân đã về trên cánh đồng. Bên kia đồi, tiếp với đồng, là rừng cây. Hoa cánh kiến nở vàng trên rừng, hoa sở và hoa kim anh trắng xóa. Những bầy ong từ rừng bay xuống đồng, như những đám mây mỏng lấp lánh. Trên đồng, cỏ ống cao lêu khêu đong đưa trước gió. Cỏ gà, cỏ mật, cỏ tương tư xanh nõn. Ban mai nắng dịu, chim hót líu lo. Gió ngào ngạt mùi thơm của cỏ và phấn hoa.

Mùa xuân, ngày nào cũng là ngày hội. Muôn loài vật trên đồng lũ lượt kéo nhau đi. Những anh chuồn chuồn ớt đỏ thắm như ngọn lửa. Những cô chuồn chuồn kim nhẹn ăn để thân hình mảnh dẻ, mắt to, mình nhỏ xíu, thướt tha bay lượn. Các anh sáo đá kêu rổi rít, vút lên cao rồi lại sà xuống thấp. Các chú bọ ngựa vung gươm tập múa võ trên những chiếc lá to. Các ả cánh cam diêm dứa, các chị cào cào xòe áo lụa đom đóm...”

("Bầu trời trong quả trứng" – Xuân Quỳnh)

- 1. Có những màu sắc nào xuất hiện trong đoạn 1 của bài đọc trên?**

- ## 2. Loài vật nào trong bài “xòe áo lụa đóm dáng”?

- ### 3. Tác giả tả mùi thơm của những sự vật nào?

- 4. Tìm 3 từ chỉ sự vật, 3 từ chỉ hoạt động có trong đoạn trích.**

Bài 2. Điền dấu chấm, dấu phẩy cho thích hợp và viết hoa đầu câu:

“Biết bạn của con khỏe mạnh thông minh nhanh nhẹn cha Nai Nhỏ vẫn lo khi biết bạn của con dám liều mình cứu người khác cha Nai Nhỏ mới yên lòng cho con đi chơi với bạn”

Bài 3. Nổi thích hợp:

Các bộ phận
mắt
chân
tai
tay
miệng

Hoạt động
cắm
nói
nhìn
đi
nghe

Bài 4. Gạch dưới từ chỉ sự vật, khoanh vào từ chỉ hoạt động trong đoạn trích sau:

“Từng đoàn thuyền đánh cá giồng buồm, thả lưới trắng xóa cả mặt sông. Những tiếng hò, tiếng hát vang lên. Tàu thuyền đi lại tấp nập. Hai bên bờ sông, cỏ còn ướt sương đêm, mà các bà, các chị xã viên đã ra ruộng tỉa bắp, hái dâu.”

Bài 5. Thay đổi trật tự các từ trong mỗi câu dưới đây để tạo thành một câu mới (viết hoa chữ đầu câu):

a. Cô Hà làm cùng cơ quan với mẹ em.

b. Tiếng Việt là môn học em yêu thích.

c. Hùng đang chơi đá bóng cùng các bạn.

Bài 6. Đặt câu hỏi cho bộ phận câu được gạch dưới:

a. Chuồn chuồn, Ong và Bướm là ba người bạn cùng sống với nhau.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

b. Món ăn được nhiều bạn trẻ yêu thích là gà rán.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

c. "Góc sân và khoảng trời" là tập thơ được yêu thích của tác giả Trần Đăng Khoa.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

Bài 7. Sắp xếp lại các câu sau cho đúng thứ tự để có một đoạn truyện:

1. Bình minh, tia nắng đầu tiên gõ cửa nhà chim sâu.
2. Mùa này, chổi non nẩy ra mơn mớn, nhưng cũng là lúc sâu bọ phá hoại nhiều.
3. Chú lao ngay tới rặng ổi quen thuộc để làm việc.
4. Chim sâu nhanh nhẹn trở dậy.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Bài 8. Giới thiệu vài nét về bạn Na trong câu chuyện “Phần thưởng” (SGK Tiếng Việt lớp 2, tập 1, trang 13).

Bài 9. Viết 4 câu giới thiệu một số thành viên trong lớp theo kiểu câu “Ai là gì?”:

M: “Bạn Huy là lớp trưởng rất gương mẫu.”

PHIẾU CUỐI TUẦN 09

I. Đọc – hiểu

Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Sư Tử và Kiến Càng

"Sư Tử chỉ kết bạn với các con vật to khỏe như mình và cho rằng những con vật bé nhỏ chẳng có ích gì. Một lần, Kiến Càng đến xin kết bạn với Sư Tử liền bị Sư Tử xua đuổi.

Một hôm, Sư Tử cảm thấy đau nhức trong tai, không thể ra khỏi hang được. Bạn bè của Sư Tử đến thăm, Sư Tử nhờ các bạn chữa chạy giúp. Nhưng Voi, Hổ, Gấu, ... đều từ chối, mặc cho Sư Tử đau đớn.

Nghe tin Sư Tử đau tai, Kiến Càng không để bụng chuyện cũ, vào tận hang thăm Sư Tử. Kiến Càng bò vào tai Sư Tử và lôi ra một con rệp.

Sư Tử khỏi đau, hối hận vì đã đối xử không tốt với Kiến. Sư Tử vội vàng xin lỗi Kiến và từ đó coi Kiến Càng là người bạn thân nhất."

(Theo Truyện cổ dân tộc Lào)

1. Sư Tử chỉ kết bạn với loài vật nào?

- a. loài vật có ích
- b. loài vật to khỏe
- c. loài vật nhanh nhẹn, thông minh

2. Sư Tử đánh giá như thế nào về những con vật nhỏ bé?

- a. yếu ớt
- b. chẳng có ích gì
- c. không tốt bụng

3. Khi Sư Tử bị đau tai, bạn bè đã đối xử với Sư Tử như thế nào?

- a. không đến thăm hỏi
- b. đến thăm hỏi và tìm cách chữa chạy cho Sư Tử
- c. đến thăm nhưng không giúp chữa chạy cho Sư Tử

4. Ai đã giúp Sư Tử khỏi đau?

- a. thầy thuốc
- b. Kiến Càng
- c. Voi, Hổ, Gấu

5. Ai mới đúng là người bạn tốt của Sư Tử?

- a. Kiến Càng
- b. những con vật bé nhỏ
- c. những con vật to khỏe

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới từ chỉ sự vật và khoanh vào từ chỉ hoạt động có trong đoạn thơ sau:

"Mặt trời rúc bụi tre
Buổi chiều về nghe mát
Bò ra sông uống nước
Thấy bóng mình ngỡ ai.
Bò chào: "Kìa anh bạn
Lại gặp anh ở đây."

Nước đang nằm nhìn mây
Nghe bò, cười toét miệng
Bóng bò chợt tan biến
Bò tưởng bạn đi đâu
Cứ ngoái trước, nhìn sau
"Âm ồ", tìm gọi mãi."

(Phạm Hồ)

Bài 2. Viết tiếp từ ngữ để tạo câu hoàn chỉnh:

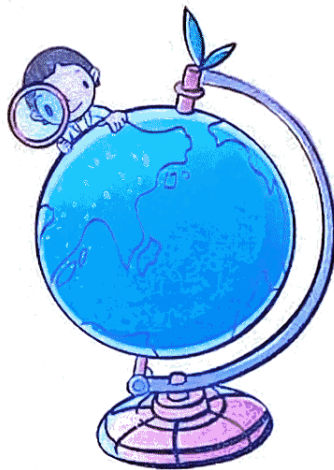
a. "Hoa hồng là..."

b. "Hà Nội là..."

Bài 3. Tách đoạn sau thành 4 câu và viết hoa đầu câu:

“Mặt trăng tròn nhô lên từ phía đằng đông ánh trăng trong xanh tỏa khắp khu rừng thỏ mẹ cùng đàn con nắm tay nhau nhảy múa chân thỏ nhịp nhàng lướt theo nhịp trống”

Bài 4. Viết 3 câu giới thiệu về cô giáo dạy em năm lớp 1. Trong đó có sử dụng câu kiểu “Ai là gì?”.



ARCHIMIDES

MAINLINE ARCHIMIDES HQ

TEL: 011 438 0000 / 011 438 0001
 67 000 712 0000

TELEPHONE ARCHIMIDES ACADEMY

TEL: 011 438 0000 / 011 438 0001
 67 000 712 0000

TELEPHONE ARCHIMIDES ACADEMY

TEL: 011 438 0000 / 011 438 0001
 67 000 712 0000

TEL: 011 438 0000 / 011 438 0001

TEL: 011 438 0000 / 011 438 0001
 67 000 712 0000